TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 861/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 22 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 646/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị An N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: G Ấp G, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Châu H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Nhà không số, kế số 3B56 Ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2023, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao trẻ Lê Châu Nhã U, sinh ngày 07/11/2013 cho bà Lê Thị An N trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Lê Đình Hiểu M, sinh ngày 31/10/2020 cho ông Lê Châu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9

năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/5/2013 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao trẻ Lê Châu Nhã U, sinh ngày 07/11/2013 cho bà Lê Thị An N trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Lê Đình Hiếu M, sinh ngày 31/10/2020 cho ông Lê Châu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị An N và ông Lê Châu H chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020137 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (10).

2 000010 763207

THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết